



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

---

## **2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
VIỆT NAM**

<b><u>MUC LUC</u></b>	Trang
<b>Phần I. Thông tin chung</b>	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
4. Định hướng phát triển	7
5. Các rủi ro	8
<b>Phần II. Tình hình hoạt động trong năm</b>	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức và nhân sự	10
3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	13
4. Tình hình tài chính	13
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	15
<b>Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc</b>	20
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	20
2. Tình hình tài chính	22
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	23
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	23
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	24
<b>Phần IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty</b>	25
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	25
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	26
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	26
<b>Phần V. Quản trị Công ty</b>	28
1. Hội đồng quản trị	28
2. Ban kiểm soát	28
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	29
<b>Phần V. Báo cáo tài chính</b>	31
Ý kiến kiểm toán	31
Báo cáo tài chính được kiểm toán	32

## **PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin khái quát**

Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agriseco), tiền thân là Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được thành lập ngày 20/12/2000 theo Quyết định số 269/QĐ/HĐQT của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).

Với số Vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng, cán bộ chủ yếu từ Agribank chuyển sang, đến nay Agriseco đã trở thành công ty chứng khoán (CTCK) hàng đầu của Việt Nam: lớn nhất về mạng lưới (3 Chi nhánh, 2 Phòng giao dịch, 36 Cơ sở phát triển dịch vụ), lớn thứ hai về Vốn điều lệ (2.120 tỷ đồng).

#### ***Thông tin về Công ty:***

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.
- Tên viết tắt: AGRISECO  
Số 108/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/7/2009.
- Giấy phép hoạt động: Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy phép đầu tư số 41/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2013.
- Vốn điều lệ: 2.120.000.000.000 (hai nghìn một trăm hai mươi tỷ) đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.120.000.000.000 (hai nghìn một trăm hai mươi tỷ) đồng
- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Artex, Số 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 6276 2666
- Fax: (84-4) 6276 5666
- Website: [www.agriseco.com.vn](http://www.agriseco.com.vn)
- Mã cổ phiếu: AGR



❖ **Quá trình hình thành và phát triển:**

- **20/12/2000:** Agribank ban hành Quyết định số 269/QĐ-HĐQT thành lập Agriseco, có trụ sở tại Tầng 4 - tòa nhà C3, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội.
- **09/01/2001:** Tiếp nhận Vốn điều lệ 60 tỷ đồng.
- **04/05/2001:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh, Agriseco trở thành công ty chứng khoán thứ 8 gia nhập thị trường.
- **05/11/2001:** Khai trương hoạt động tại Hà Nội.
- **23/11/2001:** Thành lập Chi nhánh đầu tiên của Agriseco tại TP. Hồ Chí Minh.
- **30/10/2003:** Thành lập Phòng giao dịch đầu tiên tại Ngọc Khánh, Hà Nội.
- **14/01/2004:** Nâng Vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.
- **15/09/2004:** Đưa sản phẩm REPO ra thị trường.
- **14/01/2004:** Đưa sản phẩm REREPO ra thị trường.
- **11/11/2005:** Khai trương Đại lý nhận lệnh cấp huyện đầu tiên tại Huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá.
- **21/11/2005:** Nâng Vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng.
- **19/06/2007:** Nâng Vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng.
- **16/08/2007:** Ký Bản ghi nhớ Hợp tác chiến lược với Guotai Junan - Tập đoàn chứng khoán hàng đầu Trung Quốc.
- **06/01/2009:** Hoàn thành Đấu giá lần đầu ra bên ngoài cổ phần của Agriseco, khởi đầu chuyển đổi Agriseco từ công ty TNHH 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần.
- **03/02/2009:** Chuyển Trụ sở chính về Tầng 5, Tòa nhà Artex, Số 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.
- **22/06/2009:** Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- **10/07/2009:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 108/UBCK-GP cho Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- **10/12/2009:** Chính thức đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu **AGR**.
- **20/08/2010:** Nâng vốn Điều lệ lên 2.120 tỷ đồng.

**Trong quá trình hoạt động, Agriseco đã giành được nhiều danh hiệu, bằng khen, giải thưởng như:**

- Nhận Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ năm 2006.
- 03 lần nhận Giải thưởng - Cup Vàng “Thương hiệu Chứng khoán Uy tín” 2008, 2009, 2010 của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam.
- Là Công ty chứng khoán duy nhất nhận cả 3 danh hiệu: **Giải thưởng – Cúp Vàng “Thương hiệu Chứng khoán Uy tín” 2009** của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam; giải thưởng **“Công ty chứng khoán tiêu biểu”** và **“Thành viên đầu thầu Trái phiếu Chính phủ tiêu biểu trên thị trường chứng khoán”** do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư (VIR) phối hợp tổ chức.
- Nhận Bằng khen của Bộ Tài chính về những đóng góp cho TTCK trong 10 năm vào năm 2010.
- Xếp hạng số 257/1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và nhận kỷ niệm chương của chương trình Lễ công bố 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2010
- Bằng khen của **Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng** v/v CTCP Chứng khoán NHNO&PTNT VN đã có nhiều thành tích trong xây dựng và phát triển TTCK trong giai đoạn 2000 – 2010 góp phần vào xây dựng bảo vệ CNXH và Bảo vệ tổ quốc năm 2011.
- Bằng khen của **Bộ trưởng Bộ Tài Chính Vũ Văn Ninh** v/v xây dựng TTCK trong giai đoạn 2006-2010.
- Bằng khen của **Thống đốc NHNN Nguyễn Văn Giàu** v/v đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nghiệp vụ NH năm 2008 – 2009.
- Nhận giải **Sao vàng Đất Việt:** Agriseco ở top 200 và là công ty chứng khoán duy nhất đạt giải năm 2011 và năm 2013.
- **Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam** và nhận kỷ niệm chương của chương trình Lễ công bố 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2011.
- **Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2013** do Báo Nhịp cầu Đầu tư bình chọn.



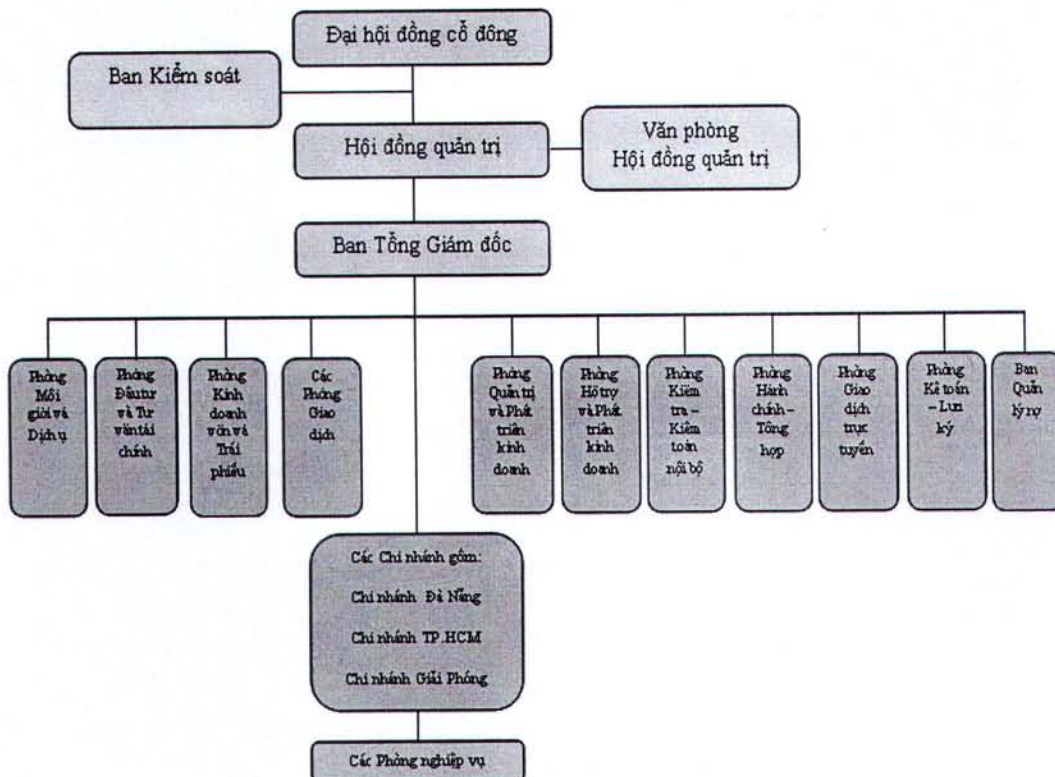
- Top 200 Thương hiệu Việt Nam năm 2013.
- **Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam** theo bảng xếp hạng V1000-1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam được công bố dựa trên kết quả điều tra và xử lý dữ liệu của Tạp chí Thuế, Tổng Cục Thuế, Vietnam Report, Báo Vietnamnet và các chuyên gia tư vấn độc lập trong và ngoài nước năm 2013.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
  - Môi giới chứng khoán;
  - Tự doanh chứng khoán;
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
  - Lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh:
  - Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

### ❖ Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý



#### ❖ Công ty con, công ty liên kết

Không

#### 4. Định hướng phát triển:

##### ❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đang thực hiện các mục tiêu của Phương án Tái cơ cấu. Trong giai đoạn 2017-2018, Agriseco sẽ tập trung củng cố, ổn định tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản trị điều hành và kiểm tra giám sát; tập trung phát triển các nghiệp vụ kinh doanh theo hướng tăng trưởng hợp lý, bền vững và hiệu quả vào các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, đồng thời tập trung đôn đốc thu hồi, xử lý các khoản công nợ tồn đọng, chấm dứt phát sinh lỗ trong kinh doanh và từng bước giảm lỗ lũy kế, nâng cao năng lực tài chính; đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập đời sống người lao động, bảo vệ lợi ích của cổ đông.

##### ❖ Chiến lược phát triển

Chiến lược chuyển dịch sang mô hình kinh doanh dịch vụ chứng khoán:

- Môi giới là nghiệp vụ trung tâm, tạo tiền đề phát triển các nghiệp vụ chứng khoán khác;
- Đẩy mạnh tăng trưởng thị phần Môi giới, đặc biệt tập trung phát triển môi giới ở khu vực miền Trung và miền Nam;
- Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ- đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như giúp khách hàng nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Hiện đại hóa công nghệ để gia tăng tiện ích cho khách hàng;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp là nghiệp vụ trung gian tạo nguồn khách hàng cho Môi giới và nguồn hàng cho Tự doanh;
- Tự doanh và Bảo lãnh phát hành là nghiệp vụ tạo lợi nhuận chính cho Công ty;
- Cơ cấu và kiện toàn bộ máy tổ chức phù hợp với mô hình hoạt động của lĩnh vực kinh doanh chứng khoán.

##### ❖ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam hoạt động không chỉ thực hiện mục tiêu kinh doanh, mà còn thực hiện những trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội đối với cộng đồng.



- Các quỹ từ thiện xã hội, quỹ tình nghĩa luôn được Công ty duy trì huy động và sử dụng các quỹ vào mục đích xã hội và cộng đồng. Năm 2016, Công ty đã tiến hành thăm hỏi, động viên và tặng quà ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung. Các chương trình Góp đá xây Trường Sa, bảo vệ biển đảo tổ quốc cũng được Công ty hưởng ứng tích cực;
- Công ty luôn chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp phát triển cộng đồng, xã hội. Nhiều đợt tiến hành đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBNV đã được triển khai trong năm 2016 và dự kiến tiếp tục được duy trì trong năm 2017. Bên cạnh đó, Công ty có các hoạt động hỗ trợ kịp thời các CBNV khi gặp khó khăn đột xuất, hoặc bị bệnh nan y, nhằm động viên CBNV và người thân trong gia đình, thể hiện nghĩa tình của Công ty với CBNV;
- Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực hưởng ứng các hoạt động bảo vệ môi trường thông qua việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, giảm rác thải và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Tất cả vì một đất nước Việt Nam phát triển và thịnh vượng.

## 5. Các rủi ro

Trên cơ sở đánh giá một cách có hệ thống, Agriseco nhận thấy các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

### ❖ Rủi ro về kinh tế

- Rủi ro thị trường đối với Agriseco nói riêng và với các Công ty chứng khoán nói chung là các rủi ro liên quan đến biến động của giá chứng khoán và biến động lãi suất.
- Giá trị danh mục cổ phiếu đầu tư được đánh giá lại dựa trên giá niêm yết. Giá trị các trái phiếu được đánh giá hàng ngày dựa vào giá trị thị trường và tình hình lãi suất. Khi lãi suất thị trường tăng, giá trị danh mục trái phiếu giảm và ngược lại.
- Các giao dịch của Agriseco đều bằng đồng Việt Nam, không đầu tư và thanh toán bằng vàng hay ngoại tệ nên Agriseco không bị ảnh hưởng từ rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái.

### ❖ Rủi ro pháp lý

- Agriseco chịu sự chi phối trực tiếp bởi Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật đầu tư, và các luật khác có liên quan. Chính vì vậy luôn tồn tại rủi ro do các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa rõ ràng hoặc không đồng bộ hoặc do có sự thay đổi mà Agriseco cập nhật không kịp thời.

### ❖ Rủi ro đầu tư

- Agriseco là một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, hoạt động đầu tư là một trong những nghiệp vụ kinh doanh cốt lõi của Công ty. Để hạn chế rủi ro đầu tư, Agriseco đã thành lập một bộ phận quản lý rủi ro nhằm đánh giá mức độ rủi ro của các dự án đầu tư cũng như đánh giá giá trị tài sản đảm bảo để có thể kịp thời hạn chế tối đa các rủi ro có thể gặp phải.

### ❖ Rủi ro thị trường



- Các biến động trên thị trường tài chính có thể sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Agriseco. Cụ thể như các thay đổi về lãi suất, giá mua bán chứng khoán, tỷ giá hối đoái dẫn đến các tổn thất nhất định cho hoạt động của các công ty chứng khoán nói chung và Agriseco nói riêng.

- Để hạn chế các rủi ro do biến động của thị trường tài chính, Agriseco thường xuyên thực hiện các nghiên cứu Tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô và Thị trường tài chính một cách toàn diện để thể dự đoán các xu hướng biến động của các yếu tố vi mô và vĩ mô.

❖ **Rủi ro khác**

- Các rủi ro khác bao gồm các rủi bất khả kháng có thể xảy ra như thiên tai, dịch họa, cháy nổ, động đất, bão lụt... Nếu các rủi ro này xảy ra có thể gây ra các thiệt hại lớn về tài sản con người, tài sản vật chất của Công ty.

## **PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

*Đơn vị: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện so với Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	135,38	116,89	116%
2	Chi phí trước dự phòng	77,91	100,04	78%
3	Lợi nhuận trước dự phòng	57,48	16,85	341%
4	Chi phí dự phòng	423,31	235,8	180%
5	Lợi nhuận trước thuế	-365,82	-218,95	-

Năm 2016, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch 3/5 chỉ tiêu (Tổng doanh thu, chi phí trước dự phòng và Lợi nhuận trước dự phòng). Có 2/5 chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch (Chi phí dự phòng và Lợi nhuận trước thuế), do Công ty phải trích lập dự phòng theo quy định hiện hành của Nhà nước, ý kiến của kiểm toán Ernst&Young cho danh mục đầu tư/góp vốn (trái phiếu Vinashin, hợp đồng HNG...) và các khoản phải thu từ các hợp đồng dịch vụ tài chính phát sinh từ trước thời điểm 31/12/2013 (GP Bank, NEM...) với chi phí dự phòng năm 2016 là 423,3 tỷ đồng.

Đây là những nguyên nhân khách quan, công ty không lường trước được trong quá trình xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2016, mặt khác công ty cũng chưa thể có biện pháp khắc phục hiệu quả do những yếu tố lịch sử và pháp lý các khoản đầu tư, góp vốn của công ty từ những năm 2013 về trước.

***Nếu loại bỏ chi phí dự phòng này thì hoạt động kinh doanh của năm 2016 có lãi khá, cụ thể lợi nhuận trước dự phòng là 57,5 tỷ đồng.***

### **2. Tổ chức và nhân sự:**

#### **2.1. Danh sách Ban Điều hành:**

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua.

Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc điều hành các nghiệp vụ được giao.

4



**Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng Giám đốc:**

**2.1.1. Ông Phan Văn Tuấn – Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Phan Văn Tuấn
- Ngày tháng năm sinh: 13/05/1978
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính tín dụng.

**2.1.2. Ông Đinh Ngọc Phương – Phó Tổng Giám đốc từ ngày 09/09/2016**

- Họ và tên: Đinh Ngọc Phương
- Ngày tháng năm sinh: 15/05/1979
- Nơi sinh: Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng;

**2.1.3. Bà Trần Thị Huệ – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Trần Thị Huệ
- Ngày tháng năm sinh: 30/05/1978
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

**2.1.4. Ông Bùi Đức Thắng – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Bùi Đức Thắng
- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1973
- Nơi sinh: Hải Hưng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Toán Kinh tế

**2.1.5. Bà Vũ Thị Thúy Hà – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Vũ Thị Thúy Hà
- Ngày tháng năm sinh: 07/3/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

**2.1.6. Ông Lê Văn Minh – Phó Tổng Giám đốc đến ngày 22/06/2016**

- Họ và tên: Lê Văn Minh
- Ngày tháng năm sinh: 18/3/1963
- Nơi sinh: Lâm Đồng
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

**2.1.7. Bà Ngô Thị Hoàng Nga – Kế toán trưởng đến ngày 14/10/2016**

- Họ và tên: Ngô Thị Hoàng Nga
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1979
- Nơi sinh: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

## 2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

Năm 2016, HĐQT đã ban hành:

- Quyết định số 12/2016/QĐ/HĐQT ngày 22/06/2016 V/v Bãi nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Agriseco chi nhánh Hồ Chí Minh đối với ông Lê Văn Minh;
- Quyết định số 16/2016/QĐ/HĐQT ngày 09/09/2016 V/v Tuyển dụng và bổ nhiệm ông Đinh Ngọc Phương làm Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- Quyết định số 18/2016/QĐ/HĐQT ngày 14/10/2016 V/v Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Ngô Thị Hoàng Nga.

## 2.3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành của Ban điều hành (tại ngày 31/12/2016):

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phiếu
1	Phan Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	44.521.576 cổ phiếu- chiếm 21,00% vốn điều lệ. Trong đó: ○ Đại diện sở hữu Agribank: 44.521.576 cổ phiếu; ○ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu;
2	Đinh Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc	0 cổ phiếu
3	Trần Thị Huệ	Phó Tổng Giám đốc	0 cổ phiếu
4	Bùi Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	11 cổ phiếu- chiếm 0,00% vốn điều lệ. Trong đó: ○ Sở hữu cá nhân: 11 cổ phiếu;
5	Vũ Thị Thúy Hà	Phó Tổng Giám đốc	234.544 cổ phiếu- chiếm 0,11% vốn điều lệ. Trong đó: Sở hữu cá nhân: 234.544 cổ phiếu;

## 2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên

Số lượng người làm việc tại thời điểm 31/12/2015: 135 cán bộ, trong đó trình độ thạc sỹ, tiến sỹ: 16 cán bộ (chiếm 11,8 % tổng số cán bộ).

### ❖ Chính sách lương thưởng, phụ cấp cho người lao động

Lương trả cho Lao động năm 2016 bao gồm các loại lương sau:

- **Lương tối thiểu:** là mức lương tối thiểu mỗi lao động được nhận, căn cứ trên quy định của Công ty tương xứng với sức lao động nhằm đảm bảo đời sống và làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Lương tối thiểu được xác định theo trình độ, thâm niên và chức danh của Lao động, đảm bảo Mức lương tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- **Lương kinh doanh:** là lương trả cho Lao động dựa trên mức độ hoàn thành công việc và hệ số lương kinh doanh của Lao động, hoặc dựa trên mức độ đóng góp của Lao động



vào Kết quả kinh doanh; được thỏa thuận trong nội bộ Đơn vị và được phân bổ từ Quỹ lương kinh doanh của Đơn vị.

- **Thưởng cho Lao động:** Thưởng cho lao động được tính toán và thực hiện vào cuối năm dựa trên cơ sở kết quả thực hiện trong năm, mức thưởng được trích từ quỹ thưởng trong lương.

❖ **Chế độ thu hút và đào tạo nhân sự**

Công ty có chế độ khuyến khích đào tạo và tự đào tạo.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**3.1. Các khoản đầu tư lớn**

Nhận thức được tình hình thị trường năm 2016 còn nhiều biến động, Agriseco tiếp tục đề cao nguyên tắc an toàn kinh doanh, tăng cường kiểm tra, kiểm soát rủi ro, tập trung vào công tác tái cơ cấu Công ty..

Đối với nghiệp vụ tự doanh cổ phiếu, Agriseco thực hiện chiến lược đầu tư mới, đầu tư hướng tới dài hạn và đầu tư có trọng điểm, đầu tư vào các cổ phiếu tốt, đồng hành cùng doanh nghiệp. Chủ trương đầu tư vào doanh nghiệp mà Công ty am hiểu, có nhiều thông tin, tránh đầu tư ngắn hạn và dàn trải như các năm trước đây.

Đối với nghiệp vụ tự doanh trái phiếu, năm 2016 Agriseco không tiến hành đầu tư mới mà chỉ tập trung vào thu hồi các khoản đầu tư cũ nhằm cải thiện tình hình tài chính, tăng lượng tiền mặt cho Công ty.

**3.2. Các công ty con, công ty liên kết**

Không

**4. Tình hình tài chính**

**4.1. Tình hình tài chính**

**Bảng: Tình hình tài chính 2016**

*Đơn vị: đồng*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>% tăng giảm</b>
Tổng giá trị Tài sản	1.660.379.497.164	2.076.870.721.733	-20%
Doanh thu từ HĐKD và HĐTC	135.374.938.015	168.601.245.813	-20%
Lợi nhuận từ HĐKD và HĐTC	(365.223.366.456)	(212.716.889.287)	72%
Lợi nhuận khác	(598.031.650)	859.058	-
Lợi nhuận trước thuế	(365.821.398.106)	(212.716.030.229)	72%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(405.397.932.938)	(186.705.943.166)	117%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.919)	(884)	117%

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	101,74	49,88
+ Hệ số thanh toán nhanh	99,52	48,69
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,007	0,011
+ Hệ số Nợ/Vốn CSH	0,007	0,011
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	-	-
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,082	0,081
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số LNST/ DTT	-2,995	-1,107
+ Hệ số LNST/Vốn CSH	-0,246	-0,091
+ Hệ số LNST/Tổng TS	-0,244	-0,090
+ Hệ số LN từ HĐKD/ DTT	-2,380	-0,891

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (thời điểm 10/06/2016):

- Cổ phiếu phổ thông: 211.199.953 cổ phiếu, chiếm 99,622 % số lượng cổ phiếu.
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: 800.047 cổ phiếu, chiếm 0,378 % số lượng cổ phiếu.
- Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu: 212.000.000 cổ phiếu.

##### 5.2. Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>3.794</b>	<b>210.846.949</b>	<b>99,46%</b>
-	Tổ chức	47	161.162.033	76,02%
-	Cá nhân	3.747	49.684.916	23,44%
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>34</b>	<b>353.004</b>	<b>0,17%</b>
-	Tổ chức	4	74.690	0,04%
-	Cá nhân	30	278.314	0,13%
<b>3</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>800.047</b>	<b>0,38%</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.828</b>	<b>212.000.000</b>	<b>100,00%</b>

*Handwritten mark*



\* Theo Danh sách cổ đông AGR chốt ngày 10/06/2016 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán VN.

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không

### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Cổ phiếu quỹ: 800.047 cổ phiếu, chiếm 0,378 % số lượng cổ phiếu.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không

### 5.5. Các chứng khoán khác

Các đợt phát hành chứng khoán khác trong năm: Không

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

### 6.1. Tuân Thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

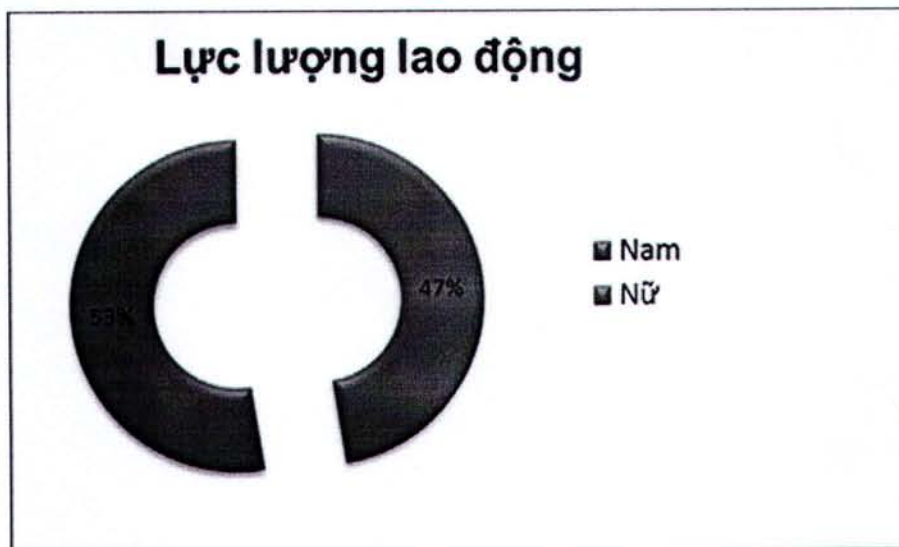
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

### 6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

#### ❖ Số lượng người lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số người lao động tại thời điểm 31/12/2016: 135 người, trong đó: lao động nữ: 71 người (53%); lao động nam: 64 người (47%):

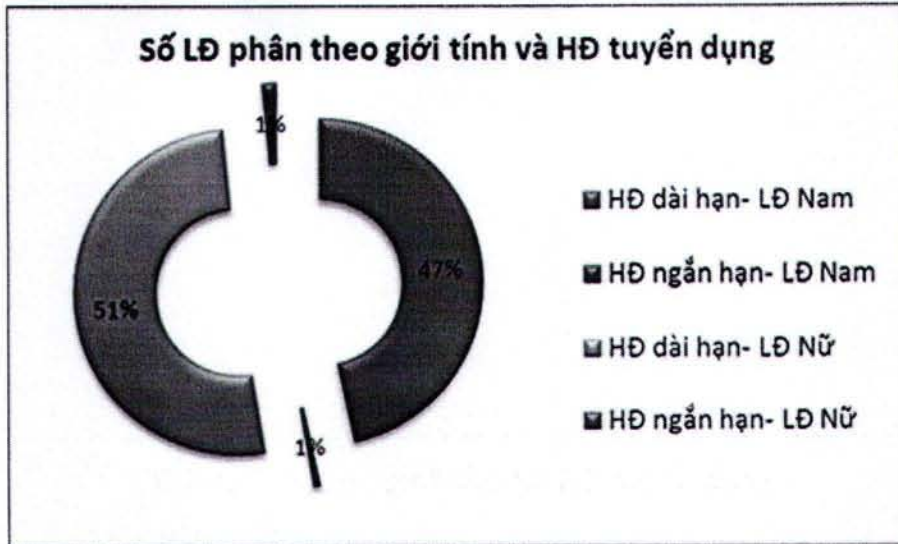
*Biểu đồ lực lượng lao động phân theo giới tính:*



- Số hợp đồng lao động dài hạn: 132 hợp đồng; số hợp đồng lao động ngắn hạn: 3 hợp đồng

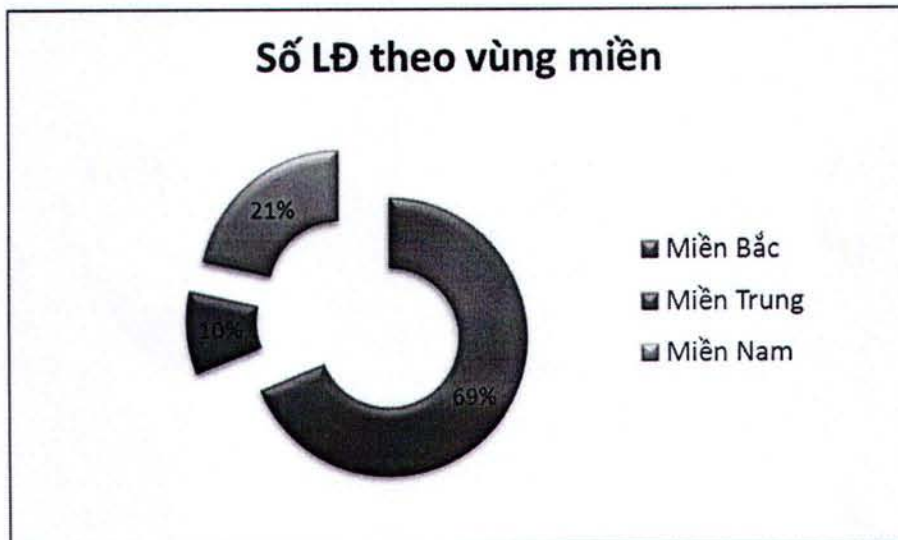
*Biểu đồ số lao động theo hợp đồng tuyển dụng và theo giới tính:*

16



- Số lao động ở khu vực miền Bắc: 93 lao động; khu vực miền Trung: 13 lao động; khu vực miền Nam: 29 lao động:

*Biểu đồ số lao động theo vùng miền:*



Năm 2016, quỹ lương của Công ty là 25 tỷ đồng, lương bình quân mỗi lao động là 14,2 triệu đồng/người/tháng.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1	Tổng quỹ lương	25 tỷ	28,8 tỷ đồng
2	Số người bình quân	147 người	161 người
3	Bình quân đầu người	14,2 triệu đồng /người/tháng	15,3 triệu đồng /người/tháng

❖ **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

- *Chính sách chăm sóc y tế và bảo hiểm:*



+ Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp luôn được Công ty thực hiện theo đúng qui định pháp luật và đảm bảo toàn thể CBCNV đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm.

+ Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV tại các bệnh viện quốc tế hàng đầu của cả nước như Bệnh viện đa khoa quốc tế Thu Cúc, Bệnh viện quốc tế Vinmec... với danh mục khám ngày càng mở rộng, gia tăng quyền lợi tối đa cho CBCNV.

- **Chính sách công tác phí:**

Công ty quy định mức Công tác phí cụ thể cho từng cấp CBCNV, đảm bảo tính đồng bộ và công bằng với mục đích:

+ Đáp ứng đầy đủ quyền lợi cho CBCNV khi đi công tác;

+ Cung cấp các nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ CBCNV hoàn thành tốt công việc được giao trong chuyến đi công tác.

+ Tạo cho CBCNV cảm giác thoải mái, được quan tâm, được hỗ trợ từ Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

- **Chính sách khen thưởng:**

Cuối mỗi kỳ kế hoạch, căn cứ vào kết quả làm việc của CBCNV, Công ty có chính sách khen thưởng đối với các tập thể hoặc cá nhân có thành tích hoặc sáng kiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức thưởng này sẽ được quy định cụ thể, chi tiết và công bằng cho từng cấp độ CBCNV với mục đích:

+ Khen thưởng CBCNV theo mức độ hoàn thành mục tiêu cá nhân, tạo động lực làm việc.

+ Tạo một môi trường thi đua lành mạnh để CBCNV phát huy hết tiềm năng bản thân, thúc đẩy Công ty phát triển vững mạnh.

+ Đáp ứng nhu cầu được công nhận của CBCNV và là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà CBCNV đã thể hiện.

- **Các chính sách phúc lợi khác:**

+ Phụ cấp ăn trưa, phụ cấp làm thêm giờ...

+ Xe đưa đón CBCNV ở xa nơi công tác, xe ô tô phục vụ các chuyến đi công tác xa.

+ Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm xã hội sau khi được ký kết HĐLĐ chính thức.

+ Các chế độ phúc lợi: Sinh nhật, ma chay, hiếu hỷ, đau bệnh....

+ Trang bị Bảo hộ lao động đầy đủ, đúng quy định Pháp luật.

+ Chính sách An toàn - Sức khỏe - Môi trường hoàn thiện.

Ngoài ra, Agriseco luôn quan tâm đến các hoạt động đối thoại thông qua tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ. ... nhằm tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của CBCNV cũng như chia sẻ định hướng, mục tiêu kinh doanh của Công ty, nhằm gắn kết và hài hòa mục tiêu và động cơ cá nhân với mục tiêu chung của tổ chức.

#### ❖ **Hoạt động đào tạo người lao động**

Agriseco luôn coi trọng việc phát triển nguồn nhân lực có chất lượng là điều kiện tiên quyết để công ty có thể tồn tại cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh. Với quan điểm đó, Công ty luôn đảm bảo cho toàn bộ nhân viên Công ty được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Các chương trình đào tạo đa dạng và phong phú, được cung cấp dưới các hình thức lớp học, đào tạo thông qua công việc hay tự học. CBCNV được hỗ trợ tài chính và khuyến khích duy trì việc không ngừng học tập cũng như được cung cấp các cơ hội phát triển tương ứng. Các hình thức đào tạo tại Công ty bao gồm:

- **Đào tạo tại chỗ:** Áp dụng cho:
  - + Người mới được tuyển dụng: Nội dung đào tạo gồm phổ biến nội quy, chính sách của Công ty và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ;
  - + Người đổi vị trí công tác: Nội dung đào tạo bao gồm việc hướng dẫn nghiệp vụ và những quy định ở vị trí công tác mới;
  - + Trong quá trình làm việc, người nhiều kinh nghiệm hơn sẽ truyền đạt, trao đổi kinh nghiệm với người bạn đồng nghiệp ít kinh nghiệm hơn. Công việc này được tiến hành thường xuyên ở mọi vị trí công tác.
- **Đào tạo nội bộ:** Việc đào tạo, huấn luyện các kỹ năng làm việc là động đào tạo thường xuyên của Công ty, chương trình đào tạo chủ yếu tập trung vào đào tạo nội quy, quy chế, quy trình sản phẩm mới và kỹ năng bán hàng... cho CBCNV của Công ty. Ban huấn luyện gồm những nhân viên có chức năng, nhiệm vụ được giao, có kinh nghiệm chuyên môn cao, có khả năng truyền đạt và giảng dạy để phổ biến về sản phẩm, những kinh nghiệm cũng như những kiến thức thực tế cho nhân viên.
- **Đào tạo bên ngoài:** Căn cứ vào nhu cầu công việc nhân viên sẽ được lựa chọn cử đi học bên ngoài tham dự các khóa học về chuyên môn nghiệp vụ (kế toán, phân tích, quản lý quỹ, chứng khoán phái sinh...).

Bên cạnh đó, các sở ban ngành cũng luôn tổ chức những khoá học, khóa đào tạo phổ biến các quy định pháp luật mới liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của Công ty.



STT	Giai đoạn	Năm 2016	Dự kiến Năm 2017
1	Tổng số khóa đào tạo	3 khóa	3 khóa
2	Số ngày đào tạo trung bình	45 ngày	45 ngày

### 6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Một số hoạt động thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội đối với cộng đồng của Agriseco trong năm 2016:

- Tiến hành thăm hỏi, động viên và tặng quà ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung.
- Các chương trình Góp đá xây Trường Sa, bảo vệ biển đảo tổ quốc cũng được Công ty hưởng ứng tích cực;

Các CBCNV của Công ty đóng góp 1 ngày lương, tổng số tiền đóng góp, ủng hộ cho mỗi đợt thiện nguyện là 90 triệu đồng.

### 6.4. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Agriseco đang tham gia vào hoạt động của thị trường vốn xanh bằng các cách sau:

- Tích cực hưởng ứng và đóng góp ý kiến xây dựng các đề phát phát triển các sản phẩm của thị trường vốn xanh, gồm: Trái phiếu xanh là các trái phiếu DN xanh. phát hành cho các dự án xanh hoặc các sản phẩm xanh; Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu chính quyền địa phương phục vụ cho các mục tiêu, chương trình, dự án xanh; Bộ chỉ số xanh để theo dõi, đánh giá và giao dịch trên thị trường vốn; Các chứng chỉ đầu tư xanh do các Quỹ đầu tư phát hành cho các dự án, chương trình và lĩnh vực xanh.

- Xây dựng và xác lập nguyên tắc đầu tư theo tiêu chí phát triển bền vững, theo đó các doanh nghiệp mà công ty rót vốn được lựa chọn không phải theo tiêu chí duy nhất là khả năng sinh lợi mà còn phải đạt những tiêu chí nhất định về an sinh, môi trường.

*Handwritten signature*

### PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### 1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2016, mặc dù bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán còn nhiều khó khăn, nhưng Agriseco đã nỗ lực duy trì và đẩy mạnh doanh thu nhiều nghiệp vụ như Môi giới, Giao dịch ký quỹ. Tuy nhiên, do còn đang trong quá trình tái cơ cấu mô hình kinh doanh, hệ thống văn bản nội bộ nhiều thiếu sót, các khó khăn tồn tại tồn nhiều thời gian và nguồn lực để xử lý nên kết quả kinh doanh của Agriseco chưa được khả quan.

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	% hoàn thành KH
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>135,4</b>	<b>116%</b>
1	Doanh thu Môi giới	26,29	125%
2	Doanh thu đầu tư CK	21,33	66%
3	Doanh thu đại lý phát hành CK	0,1	1%
4	Doanh thu hoạt động tư vấn	1,72	57%
5	Doanh thu hoạt động lưu kí	3,7	185%
6	Doanh thu khác	82,26	170%
<b>II</b>	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>0,01</b>	<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí chưa gồm lương</b>	<b>52,9</b>	<b>70%</b>
1	Chi phí hoạt động kinh doanh	19,69	47%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33,21	101%
<b>IV</b>	<b>LN trước lương và dự phòng</b>	<b>82,49</b>	<b>197%</b>
1	Chi phí lương	25	100%
<b>V</b>	<b>LN trước dự phòng</b>	<b>57,49</b>	<b>341%</b>
1	Chi phí dự phòng	423,31	180%
<b>V</b>	<b>LNTT</b>	<b>-365,82</b>	<b>167%</b>

Tổng doanh thu năm 2016 đạt 135,4 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch; Chi phí (trước dự phòng) được kiểm soát hiệu quả, thực hiện 52,9 tỷ đồng, đạt mức 70% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế, trước dự phòng đạt 57,5 tỷ đồng, tăng 40,6 tỷ (đạt 341%) so với kế hoạch (16,8 tỷ đồng). Tuy nhiên, chỉ tiêu chi phí trích lập dự phòng thực hiện 423,3 tỷ đồng, vượt 187,5 tỷ đồng so với kế hoạch, theo đó lợi nhuận trước thuế lỗ (-) 365,8 tỷ, vượt 146,8 tỷ so với kế hoạch (-218,9 tỷ đồng). Nguyên nhân do:

- Công ty phải trích lập đầy đủ dự phòng cho khoản đầu tư Trái phiếu Vinashin là 390,8 tỷ đồng mà trước đó công ty mới trích lập dự phòng 223,3 tỷ đồng (theo biên bản ngày 2/7/2015 của Kiểm toán Nhà nước) và công ty phải trích lập dự phòng bổ sung 167,5 tỷ đồng (Kiểm toán yêu cầu phải thực hiện theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 do tình hình hoạt động kinh doanh của Vinashin rất khó khăn, nợ lãi trái phiếu không trả được đã quá hạn 1.905 ngày...);



- Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Quốc tế Nông nghiệp Hoàng Anh Gia Lai (mã cổ phiếu HNG), kế hoạch trích lập năm 2016 là 141 tỷ đồng, thực tế phải trích lập là 169 tỷ đồng, trích lập tăng (+) 28 tỷ đồng (do tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính có những biến động nhanh, bất thường, theo đó giá cổ phiếu HNG trong năm 2016 giảm mạnh ngoài dự báo từ 28.800đ/CP thời điểm 31/12/2015 xuống 6.200đ/CP thời điểm 31/12/2016, giảm 4,6 lần).

Đây là những nguyên nhân khách quan, công ty không lường trước được trong quá trình xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2016, mặt khác công ty cũng chưa thể có biện pháp khắc phục hiệu quả do những yếu tố lịch sử và pháp lý các khoản đầu tư, góp vốn của công ty từ những năm 2013 về trước.

## **1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

Tổng doanh thu năm 2016 sụt giảm so với năm 2015 nhưng cơ cấu các Nghiệp vụ chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng doanh thu của các Nghiệp vụ chứng khoán cốt lõi (Môi giới, Tự doanh, Tư vấn) tăng dần, trong khi tỷ trọng doanh thu của Nghiệp vụ khác (bao gồm các nghiệp vụ cho vay) giảm.

- **Nghiệp vụ môi giới:** Mặc dù đã loại bỏ các nghiệp vụ tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhưng do được Công ty ưu tiên trong định hướng phát triển, nghiệp vụ Môi giới vẫn tiếp tục tăng trưởng tốt. Tổng doanh thu của Môi giới năm 2016 đạt 26,3 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2015. Đây là mức tăng khả quan trong điều kiện thị trường chung có nhiều biến động.

- **Nghiệp vụ kinh doanh cổ phiếu:** Hoạt động Tự doanh cổ phiếu (Danh mục đầu tư mới) năm thứ hai liên tiếp có lãi. Danh mục đầu tư cũ cũng hoàn thành vượt kế hoạch (129% Kế hoạch).

- **Công nghệ tin học:** Công nghệ tin học tiếp tục được Agriseco ưu tiên đầu tư và phát triển đồng bộ cả về con người và vốn, tiến tới từng bước phát triển thành mũi nhọn kinh doanh. góp phần thúc đẩy các nghiệp vụ khác cũng như thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành.

- **Xử lý nợ và quản trị rủi ro:** Công tác xử lý nợ và quản trị rủi ro được chú trọng và đã thu được những kết quả khả quan. Không chỉ hạn chế phát sinh nợ có vấn đề mà giá trị thu hồi nợ cũng tăng mạnh (năm 2016 đạt 22,5 tỷ đồng). Đây là kết quả của sự quyết liệt trong việc xử lý nợ tồn đọng, nhiều khoản thu nằm ngoài kế hoạch đưa ra đầu năm.

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1. Tình hình tài sản**



Đơn vị: Đồng

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.225.370.533.190</b>	<b>1.137.595.101.944</b>
<i>I. Tài sản tài chính</i>	<i>1.198.698.020.481</i>	<i>1.110.598.340.275</i>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	193.070.216.107	397.659.713.908
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ	397.244.581.500	442.702.703.786
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	562.289.717.289	97.257.593.523
4. Các khoản cho vay	693.589.908.589	373.717.488.483
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	1.669.064.655
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(704.796.357.249)	(372.265.639.894)
7. Các khoản phải thu	16.228.892.839	11.745.761.062
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	656.434.358.066	678.861.755.988
9. Phải thu nội bộ	84.735.279	324.511.260
10. Các khoản phải thu khác	3.218.278.655	6.818.561.416
11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(618.666.310.594)	(527.893.173.912)
<i>II. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>26.672.512.709</i>	<i>26.996.761.669</i>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>435.008.963.974</b>	<b>939.275.619.789</b>
<i>I. Tài sản tài chính dài hạn</i>	<i>36.825.926.400</i>	<i>497.624.254.800</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>282.263.190.877</i>	<i>283.699.386.140</i>
<i>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>10.465.779.000</i>	<i>10.465.779.000</i>
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>105.454.067.697</i>	<i>147.486.199.849</i>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.660.379.497.164</b>	<b>2.076.870.721.733</b>

**2.2. Tình hình nợ phải trả**

Đơn vị: Đồng

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>12.044.370.105</b>	<b>22.807.661.736</b>
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	179.138.294	15.822.830
2. Phải trả người bán ngắn hạn	27.500.000	27.500.000
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	291.400.000	362.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.060.958.592	1.332.186.950
5. Phải trả người lao động	8.112.705.936	1.665.003.034
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	140.491.587	529.610.765
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	817.711.924	378.445.294
8. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	278.826.703	16.776.386.703
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	519.407.142	638.976.233



10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	616.229.927	1.081.229.927
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>12.044.370.105</b>	<b>22.807.661.736</b>

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

#### 3.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Nâng cao từng bước sự phối hợp giữa HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác quản lý và kinh doanh.
- Hoàn thành xây dựng Phương án Tái cơ cấu Agriseco giai đoạn 2016 - 2018 và đã được HĐQT Agribank thông qua. HĐQT công ty sẽ trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Đây là căn cứ quan trọng để Agriseco tiếp tục triển khai những giải pháp cụ thể nhằm đưa hoạt động của Agriseco sớm ổn định, từng bước phát triển an toàn và bền vững.
- Triển khai xây dựng các văn bản quan trọng phục vụ điều hành và hoạt động kinh doanh như Quy chế tài chính, Quy chế khoán tài chính; Quy chế đầu tư tài chính; Quy chế tiền lương; Quy định về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh; Nội quy lao động; Quy định về đánh giá, xếp loại cán bộ...

#### 3.2. Hoạt động kiểm soát

- Hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Agriseco luôn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Năm 2016, Agriseco đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro; đồng thời có kế hoạch nâng cấp Phòng kiểm tra kiểm toán nội bộ thành Phòng kiểm tra kiểm soát rủi ro. Quy trình quản trị rủi ro nhằm tăng cường quyền lực của nghiệp vụ kiểm soát cũng đã được cập nhật kịp thời để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và pháp luật hiện hành.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đẩy mạnh chuyển dịch sang Mô hình kinh doanh Dịch vụ chứng khoán nhằm tăng tính cạnh tranh và phù hợp với điều kiện của thị trường. Các giải pháp tổng thể hướng đến 4 yếu tố: Mở rộng thị trường và khách hàng; Nâng cấp sản phẩm hiện có và phát triển sản phẩm mới; Đẩy mạnh hiệu quả công tác bán hàng và chăm sóc khách hàng; Tăng cường Marketing;
- Phát triển nghiệp vụ Tư vấn tài chính; Tăng cường năng lực của đội ngũ tư vấn, khai thác thế mạnh của Agriseco, tập trung vào các Khách hàng Doanh nghiệp của Agribank hoặc của một số tổ chức tín dụng có quan hệ với Agriseco.
- Duy trì vị thế của Agriseco trong thị trường kinh doanh trái phiếu.
- Tìm kiếm các nguồn vốn dài hạn nhằm đảm bảo tính ổn định trong thanh khoản vốn. Có kế hoạch tài chính để cân đối sử dụng nguồn vốn ngắn hạn và nguồn vốn dài hạn;

- Tăng cường công tác Tự doanh trên cơ sở đảm bảo an toàn vốn và mang lại nguồn thu cho Agriseco.
- Đánh giá tổng thể hệ thống công nghệ và có giải pháp đổi mới, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).**

Không

Ch



## **PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2016, mặc dù bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán còn nhiều khó khăn, nhưng tập thể CBCNV Agriseco đã đoàn kết, đồng lòng, bám sát các chỉ đạo của Agribank và định hướng của Hội đồng Quản trị để hoàn thành về cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, do Công ty trong năm đầu tiên của quá trình tái cơ cấu, nguồn nhân lực giảm sút (35 lao động nghỉ việc trong đó có 11 lao động cấp quản lý), nhiều tồn tại dồn lại từ các năm trước tổn thời gian và nguồn lực để xử lý nên một số mặt hoạt động của Agriseco còn hạn chế.

- Về kinh doanh: Agriseco hoàn thành 3/5 chỉ tiêu trong đó các chỉ tiêu trọng yếu đều có mức tăng mạnh so với kế hoạch, tổng doanh thu tăng 18,5 tỷ đồng (đạt 116% kế hoạch), lợi nhuận trước thuế trước dự phòng tăng 40,6 tỷ đồng (bằng 341% kế hoạch). Các nghiệp vụ kinh doanh cốt lõi như Môi giới, Giao dịch ký quỹ đều có mức tăng trưởng cao, Tự doanh năm thứ 2 liên tiếp có lãi.

- Về điều hành: đã sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Công ty hướng đến các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đồng thời tăng cường việc quản lý rủi ro và thu hồi nợ tồn đọng. Hoàn thành việc xây dựng Phương án Tái cơ cấu Agriseco, rà soát, xây dựng/ban hành một số văn bản thiết yếu cho hoạt động kinh doanh. Nâng cáo ý thức chấp hành nội quy lao động, các quy trình, quy định của cán bộ nhân viên trên toàn Công ty.

- Về kết quả thực hiện chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, sai phạm theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán: Agriseco đã tuân thủ chặt chẽ các chỉ đạo của HĐQT để tập trung đơn đốc khắc phục các hậu quả đồng thời tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để xử lý hoặc chuyển sang cơ quan điều tra nhiều vụ việc. Tuy vậy, tiến độ vẫn còn chậm do hồ sơ pháp lý của nhiều hợp đồng yếu, quy trình nội bộ của Agriseco còn lỏng lẻo, khó quy trách nhiệm cụ thể cho từng đối tượng. Năm 2016, Công ty thu hồi được 22,5 tỷ đồng, bằng 225% kế hoạch.

- Về trách nhiệm với cộng đồng, môi trường và xã hội: Các quỹ từ thiện xã hội, quỹ nghĩa tình luôn được Công ty duy trì và sử dụng cho các hoạt động thiện nguyện thiết thực, đúng với tôn chỉ, mục tiêu phát triển của Công ty.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

- HĐQT luôn nắm rõ tiến độ công việc và tình hình hoạt động của Công ty; thường xuyên giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong quá trình xử lý công việc;

- Ban Tổng giám đốc chấp hành nghiêm chỉnh và triển khai nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Năm 2016 vẫn là một năm khó khăn của Agriseco do còn đang trong quá trình tái cơ cấu mô hình kinh doanh, hệ thống văn bản nội bộ nhiều thiếu sót, các khó khăn tồn tại



tốn nhiều thời gian và nguồn lực để xử lý nên kết quả kinh doanh của Agriseco chưa được khả quan. Kết quả kinh doanh năm 2016, Công ty hoàn thành 3/5 chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được giao, cụ thể: Tổng doanh thu đạt 116% kế hoạch; Chi phí (trước dự phòng) đạt mức 70% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế, trước dự phòng đạt 341% so với kế hoạch. Có 02/05 chỉ tiêu không hoàn thành là chi tiêu chi phí trích lập dự phòng bằng 160% so với kế hoạch, theo đó lợi nhuận trước thuế lỗ bằng 172% so với kế hoạch.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2017, Công ty sẽ tập trung triển khai các nội dung đã được phê duyệt trong Phương án Tái cơ cấu. Đối với các mục tiêu kinh doanh, Công ty phấn đấu đạt và vượt so với các chỉ tiêu đã được phê duyệt trong Phương án Tái cơ cấu (về doanh thu, lợi nhuận, chi phí). Cụ thể

#### **3.1. Về hoạt động điều hành:**

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy kinh doanh theo mô hình mới theo đúng lộ trình; hoàn thành xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh, Phòng giao dịch; hoàn thiện phương án củng cố, sắp xếp lại bộ máy hoạt động kinh doanh tại Trụ Sở chính, các chi nhánh và phòng giao dịch;
- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện hoặc cập nhật toàn bộ các cơ chế, quy chế, quy trình, quy định cho phù hợp với quy định pháp luật, thị trường và định hướng kinh doanh của Công ty hoặc các văn bản, quy định mới của Công ty đã ban hành. Xây dựng quy chế đào tạo của Agriseco, chú trọng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ thông qua các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Bổ sung một số vị trí nhân sự chất lượng cao đang còn thiếu.

#### **3.2. Về các nghiệp vụ kinh doanh:**

Xác định các mục tiêu và giải pháp cụ thể trong hoạt động kinh doanh theo hướng tăng trưởng hợp lý, bền vững và hiệu quả vào các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, đồng thời tập trung khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, sai phạm theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán mà trọng tâm là đôn đốc thu hồi, xử lý các khoản công nợ tồn đọng, các khoản đầu tư góp vốn kém hiệu quả; chấm dứt phát sinh lỗ trong kinh doanh và từng bước giảm lỗ lũy kế, nâng cao năng lực tài chính. Cụ thể:

- Đối với nghiệp vụ Môi giới: chú trọng cơ chế, sản phẩm và con người. Đặc biệt quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng;
- Đối với nghiệp vụ Tự doanh: Duy trì quy mô hoạt động tự doanh, tập trung cơ cấu lại danh mục tự doanh để nâng cao hiệu quả và tìm kiếm các cơ hội đầu tư phù hợp để giải ngân khi điều kiện thuận lợi. Chuyên nghiệp hóa nghiệp vụ tự doanh, tiến tới định hướng tập trung đầu tư công ty liên kết và IPO/thoái vốn doanh nghiệp nhà nước;
- Đối với nghiệp vụ Tư vấn tài chính: tập trung khai thác khách hàng Agribank, tìm kiếm khách hàng thông qua chính quyền địa phương, tập đoàn, tổng công ty.



- Đối với nghiệp vụ kinh doanh trái phiếu: Tập trung và xúc tiến việc là Đại lý phát hành trái phiếu cho Agribank. Tìm kiếm các trái phiếu doanh nghiệp hạng A, các trái phiếu chuyển đổi để tìm kiếm cơ hội đầu tư an toàn với tỷ suất sinh lời ổn định/cao.

## **PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### **1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2016**

##### **1.1.1. Ông Nguyễn Văn Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Số cổ phần : **84.803.002 cổ phần, chiếm 40 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 84.803.002 cổ phần, chiếm 40 % vốn điều lệ;

##### **1.1.2. Ông Phan Văn Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị.**

Số cổ phần: **44.521.576 cổ phần, chiếm 21,00 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 44.521.576 cổ phần, chiếm 21,00 % vốn điều lệ;

##### **1.1.3. Ông Mai Khắc Chinh - Thành viên Hội đồng quản trị.**

Số cổ phần: **21.200.751 cổ phần, chiếm 5,00 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 21.200.751 cổ phần, chiếm 5,00 % vốn điều lệ;

##### **1.1.4. Ông Đinh Ngọc Phương - Thành viên Hội đồng quản trị.**

Số cổ phần: **Không;**

##### **1.1.5. Ông Lê Quang Sự - Thành viên Hội đồng quản trị.**

Số cổ phần: **Không;**

### **1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trước những biến động thị trường chứng khoán nói riêng và môi trường kinh doanh nói chung trong năm 2016, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời và hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Công ty phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của công ty và của pháp luật.

Định kỳ hàng tháng, hàng quý, Ban Tổng giám đốc báo cáo HĐQT các vấn đề tài chính, kinh doanh theo quy định.

#### **1.2.1. Hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Văn phòng HĐQT thực hiện đầy đủ các công việc hỗ trợ hoạt động của HĐQT. Bên cạnh đó, HĐQT đã thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT, hỗ trợ HĐQT trong công tác kiểm tra, soát xét các hoạt động của Công ty.

## **2. Ban Kiểm soát**

### **2.1. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát**

#### **2.1.1. Bà Mai Thị Thủy – Trưởng Ban Kiểm soát**

Số cổ phần: **8.315.110 cổ phần, chiếm 3,922 % vốn điều lệ**

Trong đó:

- Đại diện sở hữu Agribank: 8.310.694 cổ phần, chiếm 3,92% vốn điều lệ



- Cá nhân sở hữu: 4.416 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ;

**2.1.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung** – Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ: Không

**2.1.3. Ông Trần Minh Tú** – Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ: Không

**2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát Agriseco thực hiện đầy đủ vai trò giám sát theo quy định tại Điều lệ Công ty, gồm:

- Giám sát tình hình hoạt động, giám sát về công tác quản trị điều hành, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác kế hoạch, giám sát việc tuân thủ các quyết định trong giấy phép kinh doanh, quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Đoàn Thanh tra. Kiểm tra.
- Giám sát thực hiện việc chấp hành quy định về người hành nghề chứng khoán

Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, giám sát thực hiện một số kiến nghị của Ban Kiểm soát, đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng giám đốc, thực hiện kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông lớn theo quy định.

**2.3 Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng giám đốc**

Để giải quyết các công việc cần có ý kiến của HĐQT, Tổng giám đốc có hồ sơ trình và Chủ tịch HĐQT đã tổ chức họp/xin ý kiến HĐQT bằng văn bản. Việc tổ chức họp/xin ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn dưới luật và quy định nội bộ của Công ty. dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát.

Các tài liệu, hồ sơ xin ý kiến HĐQT, các nghị quyết/Quyết định của HĐQT khi ban hành đều được gửi cho Ban kiểm soát theo đúng thể thức, nội dung như đối với các thành viên HĐQT.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

**3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, thù lao của HĐQT và thù lao, ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016 là 374.200.000 đồng, trong đó:

- Thành viên HĐQT chuyên trách và Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách: không được hưởng thù lao, hưởng lương theo quy định của Công ty;

- Thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT kiêm nhiệm không hưởng lương tại Công ty: mức thù lao được hưởng là 6.000.000 đồng/thành viên/tháng, tổng thù lao năm 2016 là 216.000.000 đồng;
- Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm không hưởng lương tại Công ty: mức thù lao được hưởng là 3.000.000 đồng/thành viên/tháng, tổng thù lao năm 2016 là 72.000.000 đồng;
- Ngân sách hoạt động năm 2016 của Ban kiểm soát (gồm Chi công tác phí và Chi phí tiếp khách) là 86.200.000 đồng.

### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ :

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phó TGD Vũ Thị Thúy Hà		534.554	0,25%	234.554	0,11%	Bán

### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không

### 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời và hỗ trợ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Agriseco phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của công ty và của pháp luật.



## **PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

#### **Đơn vị kiểm toán độc lập**

#### **CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tòa nhà thương mại Daeha, Tầng 14, 360 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội;

Điện thoại : +84 4 3831 5100

Fax: +84 4 3831 5090

Website: [www.ey.com](http://www.ey.com)

#### **Báo cáo kiểm toán độc lập**

#### ***Kính gửi: Các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam***

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 73, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

#### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này,



U

kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Nguyễn Xuân Đại

Trần Mai Thảo

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-  
004-1

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2466-2013-  
004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2017



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>31/12/2016 VND</i>	<i>31/12/2015 (Trình bày lại) VND</i>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.225.370.533.190</b>	<b>1.137.595.101.944</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>1.198.698.020.481</b>	<b>1.110.598.340.275</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	193.070.216.107	397.659.713.908
1.1. Tiền	52.070.216.107	37.659.713.908
1.2. Các khoản tương đương tiền	141.000.000.000	360.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	397.244.581.500	442.702.703.786
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	562.289.717.289	97.257.593.523
4. Các khoản cho vay	693.589.908.589	373.717.488.483
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	1.669.064.655
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(704.796.357.249)	(372.265.639.894)
7. Các khoản phải thu	16.228.892.839	11.745.761.062
7.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	16.228.892.839	11.745.761.062
7.2. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	-	6.240.000
7.3. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	16.228.892.839	11.739.521.062
8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	656.434.358.066	678.861.755.988
9. Phải thu nội bộ	84.735.279	324.511.260
10. Các khoản phải thu khác	3.218.278.655	6.818.561.416
11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(618.666.310.594)	(527.893.173.912)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>26.672.512.709</b>	<b>26.996.761.669</b>
1. Tạm ứng	25.402.092	186.888.392
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	1.367.546.600	1.335.910.100
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	335.406.846	786.014.362
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	24.944.157.171	24.601.488.561
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	86.460.254
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>435.008.963.974</b>	<b>939.275.619.789</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>36.825.926.400</b>	<b>497.624.254.800</b>
1. Các khoản đầu tư	36.825.926.400	497.624.254.800
1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	36.825.926.400	497.624.254.800
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>282.263.190.877</b>	<b>283.699.386.140</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	2.270.629.310	1.114.489.411
1.1. Nguyên giá	38.963.125.966	37.820.553.866
1.2. Giá trị khấu hao lũy kế	(36.692.496.656)	(36.706.064.455)
2. Tài sản cố định vô hình	279.992.561.567	282.584.896.729
2.1. Nguyên giá	306.316.632.500	306.316.632.500
2.2. Giá trị hao mòn lũy kế	(26.324.070.933)	(23.731.735.771)
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>10.465.779.000</b>	<b>10.465.779.000</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>105.454.067.697</b>	<b>147.486.199.849</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	563.066.100	603.066.100

✓



2. Chi phí trả trước dài hạn	6.444.937.831	10.197.294.580
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	79.600.000.000	119.176.534.832
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	18.846.063.766	17.509.304.337
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.660.379.497.164</b>	<b>2.076.870.721.733</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>12.044.370.105</b>	<b>22.807.661.736</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>12.044.370.105</b>	<b>22.807.661.736</b>
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	179.138.294	15.822.830
2. Phải trả người bán ngắn hạn	27.500.000	27.500.000
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	291.400.000	362.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.060.958.592	1.332.186.950
5. Phải trả người lao động	8.112.705.936	1.665.003.034
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	140.491.587	529.610.765
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	817.711.924	378.445.294
8. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	278.826.703	16.776.386.703
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	519.407.142	638.976.233
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	616.229.927	1.081.229.927
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.648.335.127.059</b>	<b>2.054.063.059.997</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.648.335.127.059</b>	<b>2.054.063.059.997</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.112.988.580.169	2.112.988.580.169
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	2.120.000.000.000	2.120.000.000.000
1.1.1. Cổ phiếu phổ thông	2.120.000.000.000	2.120.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	3.752.303.169	3.752.303.169
1.3. Cổ phiếu quỹ	(10.763.723.000)	(10.763.723.000)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	33.963.098.424	33.963.098.424
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	28.095.486.358	28.095.486.358
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	35.208.664.749	35.208.664.749
5. Lỗ chưa phân phối	(561.920.702.641)	(156.192.769.703)
5.1. Lỗ đã thực hiện	(561.920.702.641)	(156.192.769.703)
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.660.379.497.164</b>	<b>2.076.870.721.733</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>31/12/2016 VND</i>	<i>31/12/2015 (Trình bày lại) VND</i>
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>		
Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	527.137.810.340	807.669.211.878
Nợ khó đòi đã xử lý	773.521.778.388	399.839.482.313
Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	211.199.953	2.11.199.953
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	800.047	800.047
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK	77.871.520.000	183.827.390.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK	50.190.000	-
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK	741.954.330.000	790.563.910.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>		
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	8.376.176.340.000	9.688.315.310.000
<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>4.303.393.720.000</i>	<i>4.811.592.170.000</i>
<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>24.207.050.000</i>	<i>163.268.360.000</i>
<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>3.470.180.520.000</i>	<i>3.575.080.190.000</i>
<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	<i>179.900.000</i>	-
<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>18.719.500.000</i>	<i>60.447.180.000</i>
<i>Tài sản tài chính chờ cho vay</i>	<i>559.495.650.000</i>	<i>1.077.927.410.000</i>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	40.869.960.000	17.739.800.000
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>21.746.560.000</i>	<i>17.739.800.000</i>
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>19.123.400.000</i>	-
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	157.881.460.000	-
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	314.500.000	-
Tiền gửi của khách hàng	185.241.610.291	168.318.697.445
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	181.770.777.875	163.505.083.052
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	3.470.832.416	4.813.614.393
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	181.770.777.875	163.505.083.052
- <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>181.259.134.247</i>	<i>163.210.034.378</i>
- <i>Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>511.643.628</i>	<i>295.048.674</i>
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.470.832.416	2.118.669.960

*u*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm kết thúc ngày 31/12/2016  VND</i>	<i>Năm kết thúc ngày 31/12/2015 (trình bày lại) VND</i>
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	17.766.785.851	8.305.052.991
1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	15.832.065.051	4.633.453.195
1.2. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	1.934.720.800	3.671.599.796
2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32.169.480.559	68.944.525.923
3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	48.681.092.033	36.201.535.411
4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26.278.564.058	23.970.536.081
5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành CK	100.000.000	16.020.000.000
6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.695.226.331	2.106.732.577
7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.720.504.546	2.161.888.664
8. Thu nhập hoạt động khác	3.224.474.268	7.837.541.838
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>133.636.127.646</b>	<b>165.547.813.485</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		
1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL	(1.029.674.354)	(6.651.211.112)
1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(1.029.674.354)	(6.651.211.112)
2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(332.530.717.355)	27.407.357.947
3. Chi phí hoạt động tự doanh	(36.040.885)	-
4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	(13.450.574.273)	(16.369.783.772)
5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành CK	-	(8.000.000.000)
6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	(4.182.734.588)	(4.098.669.590)
7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	(546.501.326)	(1.319.431.819)
8. Chi phí hoạt động khác	(104.074.014.859)	(306.769.988.472)
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>(455.850.257.640)</b>	<b>(315.801.726.818)</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	1.738.810.369	3.053.432.328
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>1.738.810.369</b>	<b>3.053.432.328</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
1. Chi phí lãi vay	(471.250.000)	(19.170.820.888)
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>(471.250.000)</b>	<b>(19.170.820.888)</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	<b>(44.276.796.831)</b>	<b>(46.345.587.394)</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(365.223.366.456)</b>	<b>(212.716.889.287)</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		
Thu nhập khác	1.651.527	859.058
Chi phí khác	(599.683.177)	-
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>(598.031.650)</b>	<b>859.058</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>(365.821.398.106)</b>	<b>(212.716.030.229)</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	(365.821.398.106)	(212.716.030.229)
<b>X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)</b>	<b>(39.576.534.832)</b>	<b>26.010.087.063</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(39.576.534.832)	26.010.087.063
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>(405.397.932.938)</b>	<b>(186.705.943.166)</b>
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.919)</b>	<b>(884)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm kết thúc ngày 31/12/2016  VND</i>	<i>Năm kết thúc ngày 31/12/2015 (trình bày lại) VND</i>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN</b>	<b>(365.821.398.106)</b>	<b>(212.716.030.229)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>427.124.111.900</b>	<b>356.150.384.231</b>
Khấu hao TSCĐ	3.337.277.863	4.004.237.323
Các khoản dự phòng	423.303.854.037	263.981.634.488
Chi phí lãi vay	471.250.000	22.715.419.504
Lỗ từ hoạt động đầu tư	11.730.000	65.449.092.916
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>61.302.713.794</b>	<b>143.434.354.002</b>
Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL	45.458.122.286	(12.996.636.675)
(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM	(4.233.795.366)	480.675.778.410
(Tăng) các khoản cho vay	(319.872.420.106)	(99.190.674.592)
Giảm tài sản tài chính AFS	1.669.064.655	-
(Tăng)/giảm phải thu và dự thu cố tức, tiền lãi các tài sản tài chính	(4.483.131.777)	56.386.001.000
Giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	22.427.397.922	17.523.835.266
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	3.497.390.132	(69.841.179.412)
(Tăng) các tài sản khác	(1.120.449.375)	(5.591.777.623)
Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	439.266.630	(18.791.342.031)
Giảm chi phí trả trước	4.202.964.265	3.732.198.535
Thuế TNDN đã nộp	-	(5.258.390.693)
Lãi vay đã trả	(471.250.000)	(40.374.013.237)
(Giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	(389.119.178)	(20.499.954)
(Giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(271.228.358)	(76.298.579)
Tăng/(giảm) phải trả người lao động	6.447.702.902	(3.713.957.979)
(Giảm) phải trả, phải nộp khác	(27.353.627)	(33.023.207.797)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	40.000.000	32.435.789.900
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(17.292.560.000)	(14.863.240.257)
<b>Tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(202.676.685.201)</b>	<b>430.446.738.284</b>



<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015 (trình bày lại) VND</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	(1.901.082.600)	(2.558.765.600)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	(11.730.000)	48.786.363
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	1.890.412
<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>	<b>(1.912.812.600)</b>	<b>(2.508.088.825)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Tiền vay gốc	330.000.000.000	430.850.000.000
- Tiền vay khác	330.000.000.000	430.850.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	(330.000.000.000)	(612.216.661.000)
- Tiền chi trả nợ gốc vay khác	(330.000.000.000)	(612.216.661.000)
<b>Tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>(181.366.661.000)</b>
<b>(GIẢM)/ TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>(204.589.497.801)</b>	<b>246.571.988.459</b>
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>397.659.713.908</b>	<b>151.087.725.449</b>
Tiền	37.659.713.908	71.082.640.554
Các khoản tương đương tiền	360.000.000.000	80.005.084.895
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>193.070.216.107</b>	<b>397.659.713.908</b>
Tiền	52.070.216.107	37.659.713.908
Các khoản tương đương tiền	141.000.000.000	360.000.000.000

Bản báo cáo tài chính kiểm toán 2016 đã được Agriseco công bố tại địa chỉ website <http://agriseco.com.vn/TabId/83/Default.aspx#AD.469.290565>

**Trân trọng!**

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2017

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**PHAN VĂN TUẤN**